

Yên Mỹ, ngày 16 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024-2025
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THPT Triệu Quang Phục.

2. Địa điểm đặt trụ sở: Thôn Từ Hồ, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại: 0221.3.965099 – 0221.3.965015

- Website: <https://c3tqp.sogddt.hungyen.gov.vn/>

- Email: c3trieuquangphuc.hungyen@moet.edu.vn.

3. Loại hình trường: Trường Công lập dạy học 01 buổi/ ngày.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

Sứ mệnh: Trường THPT Triệu Quang Phục là nơi tạo dựng môi trường giáo dục hiện đại, nhân văn, sáng tạo và hội nhập, giúp học sinh phát triển toàn diện về đức – trí – thể – mỹ, hình thành phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ, tư duy sáng tạo, kỹ năng thích ứng và hội nhập trong thời kỳ chuyển đổi số.

Nhà trường chú trọng định hướng nghề nghiệp, phân luồng hợp lý, giúp học sinh có thể tiếp tục học tập, khởi nghiệp hoặc tham gia lao động một cách chủ động và hiệu quả.

Tầm nhìn đến năm 2030: Trường THPT Triệu Quang Phục phấn đấu trở thành một trường học chất lượng cao trong hệ thống giáo dục phổ thông của tỉnh Hưng Yên: Thuộc nhóm 5 trường THPT dẫn đầu toàn tỉnh về chất lượng giáo dục. Là mô hình đi đầu về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản trị.

Có môi trường học tập thân thiện, hiện đại, sáng tạo và phát triển bền vững. Là nơi học sinh được định hướng nghề nghiệp rõ ràng, phát triển năng lực công dân toàn cầu, thích ứng với yêu cầu của thời đại mới.

Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2025–2030

a) Về chất lượng giáo dục: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 98–100%; Trên 85% học sinh đỗ vào các trường ĐH, CĐ; 100% học sinh lớp 12 được tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp.

b) Về đội ngũ giáo viên: 100% giáo viên đạt chuẩn, trên 35% có trình độ Thạc sĩ; 100% giáo viên thành thạo công nghệ thông tin, có khả năng xây dựng bài giảng số, học

liệu số, và sử dụng hiệu quả phần mềm LMS; Tăng số lượng giáo viên tham gia các kỳ thi giáo viên giỏi và có sáng kiến được công nhận cấp ngành.

c) *Về cơ sở vật chất – chuyển đổi số*: 100% lớp học có thiết bị dạy học hiện đại, đường truyền internet tốc độ cao; Hoàn thiện và khai thác hiệu quả hệ thống quản trị nhà trường điện tử; Xây dựng kho học liệu số nội bộ và liên thông với kho học liệu chung toàn ngành.

d) *Về xây dựng môi trường giáo dục*: 100% học sinh được tham gia hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp đúng quy định; Tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa học đường, phát triển năng lực toàn diện; Xây dựng môi trường học tập xanh – sạch – đẹp – an toàn – không có bạo lực học đường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Kỷ cương – Trách nhiệm – Hiệu quả
- Tôn trọng – Hợp tác – Sáng tạo
- Chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu

KHẨU HIỆU HÀNH ĐỘNG

- “Tri thức – Bản lĩnh – Hội nhập”
- “Học để làm người – Học để sáng tạo – Học để thành công”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Triệu Quang Phục (tiền thân là Trường cấp 3 Yên Phú) được thành lập năm 1979 theo Quyết định số 46/QĐ ngày 15/8/1979 của UBND tỉnh Hải Hưng. Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã không ngừng lớn mạnh cả về quy mô, cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục.

Từ những ngày đầu chỉ với một số lớp học đơn sơ, đến nay nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, gồm 36 phòng học và phòng chức năng, sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng rổ, sân bóng chuyền, thư viện, phòng thực hành tin học, các phòng bộ môn phục vụ đầy đủ cho hoạt động giáo dục toàn diện. Tổng diện tích toàn trường hiện nay là 14.700m².

Chi bộ nhà trường được thành lập cùng thời điểm với nhà trường, từ 5 đảng viên ban đầu đến năm 2025 đã có 35 đảng viên. Chi bộ luôn giữ vai trò nòng cốt trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiều năm liền đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh”, trong đó tiêu biểu là Bằng khen của Tỉnh ủy Hưng Yên năm 2018.

Về công tác chuyên môn, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích nổi bật: tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT qua các năm luôn đạt từ 98% đến 100%; tỉ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng ở nguyện vọng 1 luôn ở mức cao, có năm đạt gần 90%. Đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh liên tục đoạt nhiều giải thưởng cao với số lượng giải tăng dần qua các năm.

Song song với giáo dục học thuật, nhà trường cũng chú trọng đến các hoạt động giáo dục kỹ năng và trải nghiệm thực tiễn. Các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao, câu lạc bộ sở thích, ngày hội STEM... được tổ chức thường xuyên và có chất lượng. Học sinh được giáo dục toàn diện, rèn luyện kỹ năng sống và ý thức cộng đồng. Nhà trường không có học sinh nghiện hút hay vi phạm tệ nạn xã hội.

Tập thể nhà trường vinh dự được nhận nhiều phần thưởng cao quý như: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập trường, nhiều năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên...

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, liên tục đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc và được tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Đặc biệt, đội bóng chuyền nữ của nhà trường từng đạt Huy chương Vàng trong Hội thao toàn ngành.

Hiện nay, Trường THPT Triệu Quang Phục đã và đang tiếp tục phát huy truyền thống dạy tốt – học tốt, từng bước khẳng định vị thế là một trong những trường THPT tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn chuyển đổi số và hội nhập quốc tế

6. Người đại diện: Ông Đỗ Xuân Vượng

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ làm việc: Thôn Từ Hồ, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Số điện thoại: 0988366502.

Địa chỉ thư điện tử: vuong69hy@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Chi bộ Đảng trường THPT Triệu Quang Phục được thành lập từ năm 1979. Năm học 2024-2025, chi bộ có 35 đảng viên. Ban chi ủy gồm 5 đồng chí, Bí thư chi bộ là đồng chí Đỗ Xuân Vượng – Hiệu trưởng. Chi bộ Đảng trong trường THPT Triệu Quang Phục là trung tâm lãnh đạo, định hướng, kiểm tra, phát động và động viên tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường phát triển bền vững, toàn diện.

b) Hội đồng trường

Hội đồng trường Trường THPT Triệu Quang Phục nhiệm kỳ 2025-2030 được công nhận theo Quyết định số 135/QĐ-SGDĐT ngày 27/02/2025 gồm 15 thành viên. Chủ tịch Hội đồng trường là ông Đỗ Xuân Vượng – Hiệu trưởng. Danh sách các thành viên Hội đồng trường cụ thể như sau:

Stt	Họ tên	Chức vụ, đơn vị công tác
1	Đào Thị Hiền	Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ
2	Đỗ Xuân Vượng	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng
3	Nguyễn Ngọc Văn	Phó Hiệu trưởng
4	Nguyễn Thị Phúc	Phó Hiệu trưởng
5	Nguyễn Thị Mai Tuyết	Chủ tịch Công đoàn
6	Đào Thị Thứ	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
7	Đặng Thanh Hải	Tổ trưởng chuyên môn
8	Trần Thị Hợp	Tổ trưởng chuyên môn
9	Dương Thị Hương	Tổ trưởng chuyên môn
10	Nguyễn Quang Phong	Tổ trưởng chuyên môn
11	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng chuyên môn
12	Trịnh Thị Phương	Tổ trưởng tổ Văn phòng
13	Vũ Đức Tính	Tổ phó chuyên môn
14	Nguyễn Thị Tình	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh
15	Nguyễn Đức Khôi	Học sinh lớp 10A

c) Công đoàn trường THPT Triệu Quang Phục là cầu nối giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên với lãnh đạo nhà trường, với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; Là lực lượng nòng cốt cổ vũ, động viên phong trào thi đua dạy và học; Góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đoàn kết, tiên tiến, dân chủ trong nhà trường.

d) Đoàn thanh niên trường THPT Triệu Quang Phục là môi trường giáo dục toàn diện, giúp học sinh rèn luyện, trưởng thành về mọi mặt; Là lực lượng nòng cốt tổ chức các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện, góp phần tạo nên đời sống tinh thần phong phú cho học sinh; Góp phần phát hiện, bồi dưỡng các nhân tố tích cực, phát triển Đoàn, xây dựng Đảng trong nhà trường.

e) Các tổ chuyên môn

Năm học 2024-2025, nhà trường có 6 tổ chuyên môn: Toán – Tin; Lý – Công nghệ – QPAN; Hóa – Sinh; Ngữ văn; Sử – Địa KTPL; Ngoại ngữ – GDTC.

Các tổ chuyên môn là lực lượng nòng cốt trong tổ chức giảng dạy, đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện.

Đồng thời, các tổ chủ động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, phát triển năng lực giáo

viên, phối hợp tổ chức hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống, xây dựng môi trường học tập tích cực, đoàn kết và thân thiện trong nhà trường.

g) Tổ Văn phòng

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo về quản lý hành chính, tổng hợp, báo cáo, lưu trữ hồ sơ, văn bản; Quản lý hồ sơ, công văn, tài liệu và đảm bảo công tác văn thư, lưu trữ đúng quy định; Thực hiện các chế độ, chính sách, hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, quản lý bảo hiểm, lương bổng; Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ tốt cho hoạt động của nhà trường; Đảm bảo hậu cần, lễ tân, điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường cho cán bộ, giáo viên và học sinh; Tham gia các phong trào, xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông kê đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

Tổng số	CBQL		Giáo viên		Nhân viên					
	HT	Phó HT	Tổng số	GV chuyên trách Đoàn	T.số	Văn thư	Kế toán	Y tế	Thủ quỹ	Thư viện
55	1	2	49	0	3	1	1	0	×	1

Thông kê nhân sự theo trình độ đào tạo

Tổng số	Trình độ đào tạo			
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng
55	0	18	36	1 (nhân viên)

Thông kê số lượng giáo viên theo môn học

Tổng số: 49; Nữ: 37; Dân tộc thiểu số: 0

Stt	Môn học/HĐGD	Số lượng	Ghi chú
1	Ngữ văn	7	
2	Toán	8	
3	Giáo dục thể chất	4	
4	Giáo dục QPAN	2	
5	Lịch sử	2	
6	Ngoại ngữ	5	
7	Vật lý	4	

Stt	Môn học/HDGD	Số lượng	Ghi chú
8	Hóa học	5	
9	Sinh học	4	
10	Tin học	3	
11	Công nghệ	2	
12	Địa lý	2	
13	Kinh tế pháp luật	1	
14	Giáo dục địa phương	0	Kiểm nhiệm
15	Hoạt động TNHN	0	Kiểm nhiệm
16	Âm nhạc	0	Kiểm nhiệm
17	Mỹ thuật	0	Kiểm nhiệm
18	Ngoại ngữ 2	0	Kiểm nhiệm
	Tổng	49	

Thống kê số lượng, tỷ lệ CBQL theo chuẩn nghề nghiệp

Tổng số	Mức					
3	Tốt		Khá		Đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	3	100%	0	0%	0	0%

Thống kê số lượng, tỷ lệ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp

Tổng số	Mức					
49	Tốt		Khá		Đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	30	75%	19	25%	0	0%

Thống kê số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên, nhân viên hoàn thành BDTX

Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 55 người	Vị trí	Số lượng, tỷ lệ hoàn thành BDTX	
		Số lượng	Tỷ lệ
	CBQL	3	100%
	Giáo viên	49	100%
	Nhân viên	3	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích toàn trường: 14.700.000 m²; Diện tích bình quân cho một học sinh: 11,8m²/học sinh.

Theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng GDĐT, diện tích bình quân cho một học sinh là **10m²/học sinh.**

Vậy diện tích nhà trường đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục các khối công trình

a) Khối phòng hành chính quản trị

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Đạt (không đạt theo yêu cầu)
1	Phòng hiệu trưởng	1	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng:	2	Đạt
3	Văn phòng	3	Đạt
4	Phòng bảo vệ	2	Đạt
5	Khu vệ sinh CB, GV, NV	4	Đạt
6	Khu để xe của CB, GV, NV	2	Đạt

b) Khối phòng học tập

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
1	Phòng học	33	18 phòng (0.6 phòng/lớp)	Đáp ứng
2	Phòng bộ môn Vật lý	0.5	1 phòng	Đáp ứng 1 phần
3	Phòng bộ môn Hóa học	0.5	1 phòng	Đáp ứng 1 phần
4	Phòng bộ môn Sinh học	0.5	1 phòng	Đáp ứng 1 phần
5	Phòng bộ môn Tin học	3	1 phòng	Đáp ứng
6	Phòng bộ môn Công nghệ	0.5	1 phòng	Đáp ứng 1 phần
7	Phòng bộ môn Ngoại ngữ	1	1 phòng	Đáp ứng
8	Phòng bộ môn Âm nhạc	0	1 phòng	Không đáp ứng

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
9	Phòng bộ môn Mỹ thuật	0	1 phòng	Không đáp ứng

c) Khối phòng hỗ trợ học tập

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
1	Thư viện	1	1 phòng	Đáp ứng
2	Phòng thiết bị giáo dục	3	1 phòng	Đáp ứng
3	Phòng tư vấn học đường	1	1 phòng	Đáp ứng
4	Phòng truyền thống	1	1 phòng	Đáp ứng
5	Phòng Đoàn Thanh niên	1	1 phòng	Đáp ứng

d) Khối phụ trợ

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
1	Phòng họp toàn cơ quan	2	1 phòng	Đáp ứng
2	Phòng các tổ chuyên môn	6	2 phòng/30 lớp	Đáp ứng
3	Phòng Y tế trường học	1	1 phòng	Đáp ứng
4	Nhà kho	1	1 phòng	Đáp ứng
5	Khu để xe học sinh	2	Có mái che; Có hỗ trợ người khuyết tật	Đáp ứng
6	Khu vệ sinh học sinh	2	Số lượng bồn rửa; Bồn tiểu; Xí theo số học sinh	Đáp ứng
7	Cổng, hàng rào	x	Ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ	Đáp ứng

e) Khu sân chơi, thể dục thể thao

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
1	Sân chung	1	Đủ để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;	Đáp ứng

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
2	Sân thể dục thể thao	1	Bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.	Đáp ứng

g) Hạ tầng kỹ thuật

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Đáp ứng
1	Hệ thống cấp nước sạch	1	Bảo đảm theo các quy định hiện hành	Đáp ứng
2	Hệ thống cấp điện	2	Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	Đáp ứng
3	Hạ tầng CNTT, liên lạc	3	Điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường	Đáp ứng
4	Khu thu gom rác thải	1	Bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió	Đáp ứng
5	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	1	Bảo đảm theo các quy định hiện hành	Đáp ứng

3. Thiết bị dạy học: Đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

4. Danh mục sách giáo khoa

Nhà trường sử dụng các bộ sách giáo khoa đã được UBND tỉnh phê duyệt theo các quyết định: Quyết định 1242/QĐ-UBND ngày 09/06/2022 về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Phê duyệt danh mục SGK lớp 4, lớp 8, lớp 11 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Hưng Yên; Quyết định 1209/QĐ-UBND ngày 12/06/2024 về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2024-

2025

Phần lớn các môn học sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành. Riêng môn Địa lý 10 và Giáo dục quốc phòng và an ninh sử dụng bộ sách “Cánh Diều” của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội; môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sử dụng bộ sách “Chân trời sáng tạo 2” của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3 cụ thể như sau:

+ Mức 1: Đạt 28 chiếm 100%;

+ Mức 2: Đạt 28 chiếm 100%;

+ Mức 3: Đạt 20 chiếm 100%;

+ Không đạt 0 chiếm 0%;

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4;

+ Đạt 3 chiếm 50%;

+ Không đạt 3 chiếm 50%;

Mức tự đánh giá của trường THPT Triệu Quang Phục: Mức 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Trường THPT Triệu Quang Phục được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức 3 theo Quyết định số 1822/QĐ-SGDĐT ngày 02/07/2021 của Sở GDĐT Hưng Yên; Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo Quyết định số 1839/QĐ-CTUBND ngày 04/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên.

Sau khi được Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá ngoài vào tháng 5 năm 2021 và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 3, nhà trường đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai thực hiện hiệu quả từ năm học 2022–2023 đến nay.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 theo kỳ thi tuyển sinh do Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên tổ chức. Căn cứ vào chỉ tiêu được giao, Sở GDĐT tổ

chức kỳ thi, xác định và công bố điểm chuẩn tuyển sinh; nhà trường tiếp nhận học sinh trúng tuyển theo quy định. Cụ thể:

Năm học	Chỉ tiêu		Điểm chuẩn	
	Số lớp	Số học sinh	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2
2022 - 2023	9	396	15.65	
2023 - 2024	9	395	18.10	
2024 - 2025	11	484	26.25	29.60

Nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp nhận hồ sơ vào lớp 10 đối với học sinh trúng tuyển, trong đó quy định cụ thể các mốc thời gian tiếp nhận hồ sơ và các thông tin liên quan, đảm bảo thuận tiện và minh bạch.

Nhằm giúp cha mẹ học sinh nắm rõ định hướng giáo dục của nhà trường, các chương trình học tập và hoạt động giáo dục trong năm học đều được công khai đầy đủ, kịp thời.

Nhà trường xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh, tạo mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả giữa gia đình và nhà trường. Kết quả rèn luyện của học sinh được thông báo đến cha mẹ học sinh định kỳ 4 lần/năm; tổ chức họp phụ huynh toàn trường 3 lần/năm; đồng thời duy trì trao đổi thường xuyên giữa cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm theo tuần, với giáo viên bộ môn hoặc cán bộ phụ trách học sinh theo từng vụ việc cụ thể.

Ngoài các giờ học chính khóa, nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động như: hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa, học tập trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động văn hóa – thể thao – mỹ thuật, sinh hoạt câu lạc bộ; đồng thời triển khai các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn lựa chọn ngành nghề, trường học sau khi tốt nghiệp nhằm giúp học sinh định hướng tương lai phù hợp với năng lực và sở thích.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học

2.1. Biến động sĩ số

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Số học sinh					
			Lên lớp		Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học
			SL	TL (%)				
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	1246	1239	99.44		14	2	

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Số học sinh					
			Lên lớp		Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học
			SL	TL (%)				
2	TỔNG KHỐI 10	472	466	98.73		12	2	
3	10A	59	59	100				
4	10B	57	54	94.74		1		
5	10C	55	55	100		1		
6	10D	41	40	97.56		1		
7	10E	36	36	100				
8	10G	33	33	100		4		
9	10H	37	37	100				
10	10I	28	28	100		3		
11	10K	51	51	100				
12	10M	38	38	100			1	
13	10N	37	35	94.59		2	1	
14	TỔNG KHỐI 11	387	386	99.74		2		
15	11A	54	54	100				
16	11B	54	54	100				
17	11C	47	47	100				
18	11D	48	48	100				
19	11E	42	42	100				
20	11G	38	38	100				
21	11H	39	39	100				
22	11I	30	30	100		2		
23	11K	35	34	97.14				
24	TỔNG KHỐI 12	387	387	100				
25	12A	50	50	100				
26	12B	46	46	100				
27	12C	49	49	100				
28	12D	46	46	100				

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Số học sinh					
			Lên lớp		Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học
			SL	TL (%)				
29	12E	41	41	100				
30	12G	38	38	100				
31	12H	38	38	100				
32	12I	42	42	100				
33	12K	37	37	100				

2.2. Kết quả học tập

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Toàn trường	1246	1245	643	51.65	562	45.14	40	3.21		
2	Tổng khối 10	472	471	169	35.88	281	59.66	21	4.46		
3	10A	59	59	58	98.31	1	1.69				
4	10B	57	57	43	75.44	14	24.56				
5	10C	55	55	25	45.45	30	54.55				
6	10D	41	41	2	4.88	35	85.37	4	9.76		
7	10E	36	36			29	80.56	7	19.44		
8	10G	33	33	3	9.09	28	84.85	2	6.06		
9	10H	37	37	5	13.51	29	78.38	3	8.11		
10	10I	28	28	4	14.29	24	85.71				
11	10K	51	51	19	37.25	32	62.75				
12	10M	38	38	4	10.53	31	81.58	3	7.89		
13	10N	37	36	6	16.67	28	77.78	2	5.56		
14	Tổng khối 11	387	387	204	52.71	164	42.38	19	4.91		
15	11A	54	54	54	100						
16	11B	54	54	49	90.74	5	9.26				
17	11C	47	47	19	40.43	20	42.55	8	17.02		
18	11D	48	48	18	37.5	30	62.5				

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
19	11E	42	42	4	9.52	38	90.48				
20	11G	38	38	3	7.89	27	71.05	8	21.05		
21	11H	39	39	28	71.79	11	28.21				
22	11I	30	30	10	33.33	17	56.67	3	10		
23	11K	35	35	19	54.29	16	45.71				
24	Tổng khối 12	387	387	270	69.77	117	30.23				
25	12A	50	50	50	100						
26	12B	46	46	42	91.3	4	8.7				
27	12C	49	49	31	63.27	18	36.73				
28	12D	46	46	23	50	23	50				
29	12E	41	41	17	41.46	24	58.54				
30	12G	38	38	31	81.58	7	18.42				
31	12H	38	38	30	78.95	8	21.05				
32	12I	42	42	28	66.67	14	33.33				
33	12K	37	37	18	48.65	19	51.35				

2.2. Kết quả rèn luyện

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Toàn trường	1246	1240	1063	85.73	158	12.74	18	1.45	1	0.08
2	Tổng khối 10	472	467	374	80.09	83	17.77	9	1.93	1	0.21
3	10A	59	59	59	100						
4	10B	57	54	53	98.15	1	1.85				
5	10C	55	55	46	83.64	9	16.36				
6	10D	41	40	29	72.5	11	27.5				
7	10E	36	36	23	63.89	10	27.78	3	8.33		
8	10G	33	33	24	72.73	6	18.18	3	9.09		
9	10H	37	37	21	56.76	13	35.14	3	8.11		

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
10	10I	28	28	20	71.43	8	28.57				
11	10K	51	51	49	96.08	2	3.92				
12	10M	38	38	23	60.53	15	39.47				
13	10N	37	36	27	75	8	22.22			1	2.78
14	Tổng khối 11	387	386	328	84.97	49	12.69	9	2.33		
15	11A	54	54	54	100						
16	11B	54	54	51	94.44	3	5.56				
17	11C	47	47	34	72.34	8	17.02	5	10.64		
18	11D	48	48	42	87.5	6	12.5				
19	11E	42	42	34	80.95	8	19.05				
20	11G	38	38	19	50	17	44.74	2	5.26		
21	11H	39	39	39	100						
22	11I	30	30	22	73.33	6	20	2	6.67		
23	11K	35	34	33	97.06	1	2.94				
24	Tổng khối 12	387	387	361	93.28	26	6.72				
25	12A	50	50	50	100						
26	12B	46	46	46	100						
27	12C	49	49	44	89.8	5	10.2				
28	12D	46	46	42	91.3	4	8.7				
29	12E	41	41	36	87.8	5	12.2				
30	12G	38	38	36	94.74	2	5.26				
31	12H	38	38	38	100						
32	12I	42	42	42	100						
33	12K	37	37	27	72.97	10	27.03				

2.3. Danh hiệu học sinh

Stt	Tên lớp	Sĩ số	Học sinh xuất sắc		Học sinh giỏi	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Tổng toàn trường	1246	136	10.92	502	40.32

Stt	Tên lớp	Số	Học sinh xuất sắc		Học sinh giỏi	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)
2	Tổng khối 10	472	27	5.73	138	29.3
3	10A	59	21	35.59	37	62.71
4	10B	57	1	1.75	40	70.18
5	10C	55			23	41.82
6	10D	41			2	4.88
7	10E	36				
8	10G	33			3	9.09
9	10H	37			5	13.51
10	10I	28			4	14.29
11	10K	51	5	9.8	14	27.45
12	10M	38			4	10.53
13	10N	37			6	16.67
14	Tổng khối 11	387	44	11.37	159	41.09
15	11A	54	36	66.67	18	33.33
16	11B	54	4	7.41	45	83.33
17	11C	47			19	40.43
18	11D	48			18	37.5
19	11E	42			4	9.52
20	11G	38			3	7.89
21	11H	39	3	7.69	25	64.1
22	11I	30			10	33.33
23	11K	35	1	2.86	17	48.57
24	Tổng khối 12	387	65	16.8	205	52.97
25	12A	50	45	90	5	10
26	12B	46	11	23.91	31	67.39
27	12C	49			31	63.27
28	12D	46			23	50

Stt	Tên lớp	Số số	Học sinh xuất sắc		Học sinh giỏi	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)
29	12E	41			17	41.46
30	12G	38	1	2.63	30	78.95
31	12H	38	7	18.42	23	60.53
32	12I	42	1	2.38	27	64.29
33	12K	37			18	48.65

3. Kết quả hoàn thành chương trình và trúng tuyển của học sinh

Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông: **1246 học sinh**

Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông:

Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học qua các phương thức xét tuyển:

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Nhà trường đã thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2024-2025, Trường THPT Triệu Quang Phục đã thực hiện hiệu quả kế hoạch nhiệm vụ năm học theo chỉ đạo của ngành. Nhà trường chủ động điều chỉnh chương trình và kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn, kịp thời thích ứng với những thay đổi của bối cảnh giáo dục hiện nay.

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng cao, thể hiện qua sự phát triển về năng lực, phẩm chất của học sinh; các em được tạo điều kiện phát triển năng lực cá nhân, rèn luyện kỹ năng sống, tư duy sáng tạo và ý thức công dân.

Các phong trào thi đua và các cuộc vận động lớn như: phong trào “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”... được phát động và duy trì thường xuyên, tạo động lực phấn đấu và lan tỏa tinh thần thi đua trong toàn trường.

Nền nếp, kỷ cương trong dạy và học được giữ vững; môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, tích cực được quan tâm xây dựng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tận tâm với công việc, chủ động, tự giác trong công tác tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, hỗ trợ nhau trong công tác.

Nhờ sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, Trường THPT Triệu Quang Phục đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên;
- Đăng Website trường theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT.
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Văn